

Ngô Văn Xuân

Để tìm hiểu thêm biến cố Ban Mê Thuột, một biến cố đưa đến mất toàn bộ miền Nam Việt Nam, chúng tôi đã cố gắng phỏng vấn nhiều nhân vật liên hệ trực tiếp việc chỉ huy mặt trận này. Hôm nay chúng tôi xin đăng lời tường thuật của Trung Tá Ngô Văn Xuân, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 44 của Sư Đoàn 23 Bộ Binh, người được lệnh đưa Trung Đoàn 44 về giải cứu Ban Mê Thuột sau khi thị xã này bị Việt Cộng xâm chiếm.

Trung Tá Ngô Văn Xuân xuất thân khóa 17 trường Võ Bị Quốc gia Đà Lạt đã từng giữ các chức vụ sau đây: Đại đội trưởng Đại Đội Tinh Sát thuộc Trung Đoàn 11 của Sư Đoàn 7 Bộ Binh, tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 2 thuộc Trung Đoàn 44 của Sư Đoàn 23 Bộ Binh, trưởng phòng hành quân của Sư Đoàn 23 và cuối cùng là trung đoàn trưởng của Trung Đoàn 44. Trong chiến đấu, ông đã ba lần bị thương và sau khi Việt Cộng chiếm miền Nam, ông bị đi cải tạo 13 năm. Trung Tá Xuân đến Hoa Kỳ theo danh sách Hạ vào tháng 4 năm 1992 và hiện đang cư ngụ tại vùng Bắc Cali. Theo lời yêu cầu của chúng tôi, ông đã ghi lại một số biến cố mà ông biết liên quan đến mặt trận Ban Mê Thuột vào năm 1975. Chúng tôi hy vọng rằng bài này sẽ góp phần hữu ích vào việc tìm hiểu lý do đưa đến sự thất thủ Ban Mê Thuột.

Mới đó mà cũng hơn 20 năm trôi qua. Những năm xương tàn của hàng vạn sinh linh giờ đây cũng đã trở thành cát bụi. Những tuổi máu của họ cũng đã kiệt khô, tô thêm màu mỡ cho mảnh đất quê hương. Những người đã một thời theo vận thời cuộc, nhảy ra nắm chính quyền hay xưng hùng xưng bá, thực hiện những mưu đồ chính trị, khuynh loát... giờ đây cũng đã lần lượt nằm xuống. Cái khoảnh khắc huy hoàng của họ mà đôi khi họ cứ tưởng như sẽ miên viễn trường tồn, thực chất chỉ là một đốm lửa rơm trong kiếp nhân sinh thoáng đặc. Trong lịch sử dân tộc ta, có lẽ không có giai đoạn nào xót xa, đau tủi cho bằng những diễn biến trong ngót nửa thế kỷ vừa qua.

Cuộc chiến tranh chống thực dân giành độc lập vừa kết thúc thì lập tức một cuộc chiến khác lại nổ ra. Dưới cặp mắt của các chính trị gia hay các nhà sử học, cuộc chiến thứ hai này được gán cho nhiều cái tên khác nhau, nào là chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh nổi dậy, chiến tranh chống xâm lăng, chiến tranh tự vệ, chiến tranh ý thức hệ. Nhưng trong ký ức những người bình thường, hình ảnh chết chóc đau thương của những người nằm xuống đều gây xúc cảm nơi những người liên hệ xa gần như thân nhân ruột thịt, bà con, bạn hữu, làng xóm... hay nói rộng ra, nơi đồng bào của chính họ.

Đã có lúc những người Cộng Sản Việt Nam xưng tụng cuộc chiến ấy như một thành tích lẫy lừng nhất trong lịch sử. Thậm chí còn đem những thành tích đó ra so sánh với cả những chiến công khác của

cha ông như chiến công diệt Minh, trừ Nguyên trong lịch sử. Rất may, cơn sốt nhiệt cuồng rồi đại ầy chẳng kéo dài được bao lâu. Thời gian đã chỉ cho họ những bài học khôn ngoan hơn. Giờ đây, một số người thức tỉnh dần dần nhận ra, hoặc đã nhận ra từ lâu giờ đây mới dám nói, tính chất vô nghĩa của những thành tích đó.

Về phía những người Quốc Gia, một số hồi ký, ký sự cũng gợi lại những kỷ niệm của một thời binh lửa ngút trời trên quê hương. Cuộc chiến ấy đã được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, trực tiếp có, gián tiếp có, xa có, gần có, thực có, giả có... Hy vọng rằng phương thuốc thời gian sẽ chữa lành cho cả dân tộc ta vết thương đau, nhức nhối đã kéo dài trong tâm thức của mọi con dân Việt Nam trong gần nửa thế kỷ qua.

Bài viết này của một chứng nhân trong cuộc chiến tàn khốc vừa qua, chỉ nhằm ghi lại đôi điều mắt thấy tai nghe để làm sáng tỏ thêm một số bí ẩn của lịch sử. Cảm hứng gợi ra cho bài viết này bắt nguồn từ khi đọc những hồi ký là hai cuốn sách *Đại Thắng Mùa Xuân* của Văn Tiến Dũng và cuốn *Tướng Phạm Văn Phú và Những Trận Đánh từ Điện Biên Phủ 1954 đến Ban Mê Thuột 1975* của Phạm Huân, trong đó có rất nhiều điều cần được hiệu đính hay nói thêm.

THỰC TRẠNG SAU HIỆP ĐỊNH NGỪNG CHIẾN

Mặt trận Cao nguyên chưa bao giờ ngưng tiếng súng kể từ ngày Hiệp Định Paris được ký kết vào ngày 27 tháng 1 năm 1973 và có hiệu lực ngày 28 tháng 2/1973. Người viết bài này, lúc đó là Trưởng Phòng Hành Quân Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Sự khác biệt, nếu có, trước và sau ngày chấm dứt cuộc chiến là chỗ này: Trước hiệp định, tên của các cuộc hành quân là Biên Trấn 1, 2, 3..., sau khi đình chiến các tên này được đổi thành Hòa Bình 1, 2, 3...

Mức độ ác liệt của chiến tranh có giảm đi đôi chút, nhưng sự thương vong thì chẳng ngày nào không có. Đối diện với tuyến phòng thủ của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) là những cán binh Cộng Sản. Lúc đầu chúng còn di chuyển lén lút, về sau bớt lén lút dần, thậm chí có khi chúng còn nói với qua xin 1, 2 điều thuốc hay xin cho nghe một bản nhạc vàng! Những đơn vị địch khác không nằm trên tuyến thì luôn tìm mọi cách xâm nhập như đóng chốt trên các trục giao thông, lấn chiếm các khu vực hẻo lánh. Còn các đơn vị trừ bị của Việt Nam Cộng Hòa thì lo phá chốt, tái chiếm các vùng bị địch xâm nhập.

Cuộc chiến tranh nửa nạc nửa mỡ này thực sự trở nên khó chịu hơn, khi sự ràng buộc bởi Hiệp Định ngày càng trở nên rõ ràng. Ở tiền tuyến, đạn dược và tiếp liệu bị cắt giảm không thương tiếc. Những tính toán theo kiểu con buôn được đem ra áp dụng. Mỗi loại vũ khí đều có "cấp khoản." Số đạn được phép sử dụng trước biến đổi hàng tháng, sau xuống hàng tuần. Ví dụ mỗi khẩu pháo 105 ly của tiểu đoàn Pháo Binh sau Hiệp Định Paris chỉ có quyền áp dụng cho cả hai phía Quốc Cộng, đặc biệt "bắn" 8 quả đạn một ngày. Đến giai đoạn trước khi các trận Đánh Cao Nguyên thì giảm xuống còn 3 quả một ngày. Dần dần đến đạn súng nhỏ, xăng, dầu... Nhìn về hậu phương, những bất ổn về chính trị xảy ra hàng ngày. Những cuộc biểu tình của hàng chục đoàn thể, phong trào đòi đủ thứ quyền. Trong bối cảnh như vậy, chẳng cần phải là một chính trị gia có trình độ cao siêu gì, cũng có thể nhìn ra một hậu quả chẳng mấy tốt đẹp cho một tương lai gần.

Tôi còn nhớ tháng 10/1973, một phái đoàn của Tòa Đại Sứ Mỹ đến thăm Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 tại Ban Mê Thuột. Sau khi nghe thuyết trình về địch tình, về tình hình tiếp liệu của đơn vị, viên Đại Tá trưởng phái đoàn đã nhận nhủ, *"Quý vị sẽ phải đối đầu với Việt Cộng trong một tình hình khó khăn hơn về tiếp liệu trong tương lai. Những viện trợ về tiếp liệu sẽ ngày càng giảm nhiều hơn, và vì vậy, chúng tôi yêu cầu quý vị nên nghiên cứu những phương thức điều hành thích hợp để đối phó khi cần, kể cả những lúc chúng tôi không thể chuyên chở sang cho quý vị đúng thời hạn."* Những đề nghị của Sư Đoàn chỉ tóm gọn trong vấn đề tiếp liệu, và viên trưởng phái đoàn cũng chỉ ghi nhận trong tinh thần...rất ngại giao.

Kể từ năm 1972 trở đi, mùa hè nào trên Cao nguyên cũng đều là "mùa hè đỏ lửa" cả. Các cuộc hành

quân, đánh phá được nguy trang dưới những hình thức hay tên gọi khác nhau cho phù hợp với tình hình chính trị mới. Những người lính chiến của Quân Lực VNCH thực sự chưa có một ngày nào hít thở không khí hòa bình do các nhà chính trị đã ký kết với nhau sau hơn bốn năm bàn thảo, cãi cọ bàn vuông bàn tròn.

TỔNG THỐNG THIỆU ĂN TẾT Ở CAO NGUYÊN

Tháng 7/1974, tôi rời Phòng 3 Sư Đoàn ra đảm nhiệm chức vụ Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 44 Bộ Binh, thay thế Trung Tá Nguyễn Hữu Lữ. Như thường lệ, hàng năm mỗi độ xuân về, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu lại đi thăm một số đơn vị đang tác chiến và dùng cơm với các đơn vị này. Tết Ất Mão năm ấy, đơn vị của tôi được Quân Đoàn chỉ định là đơn vị đón tiếp tổng thống. Trung đoàn của tôi có trách nhiệm phòng thủ trên tuyến vòng đai, các tỉnh lỵ Pleiku khoảng 20 km hướng Tây Bắc. Bộ Chỉ Huy đóng tại căn cứ 801. Hai tiểu đoàn tác chiến án ngữ trên phòng tuyến, một tiểu đoàn trừ bị cùng với một chi đoàn chiến xa M-48 tại căn cứ. Các biện pháp an toàn tối-đa đã được hoạch định để tránh các sự rủi ro, nguy hiểm cho bữa cơm đầu năm của đơn vị có tổng thống tới tham dự. Bởi đây là một căn cứ hành quân đã chiến, không có hầm hố kiên cố mà lại luôn nằm trong tầm pháo các loại của địch, nên các tin tức liên quan tới bữa cơm được giữ kín cho tới lúc quan khách đến.

Đúng 12 giờ trưa, sau khi rời Bộ Tư Lệnh Quân Khu 2, chiếc trực thăng chở quan khách đáp tại căn cứ của chúng tôi. Tướng Lê Trung Tường, Tư Lệnh Sư Đoàn 23, và tôi ra đón. Thành phần phái đoàn gồm Tổng Thống Thiệu, các vị sĩ quan cấp Tướng: Trung, Khang, Phú, các tùy viên và cận vệ. Tôi đưa các vị quan khách vào phòng họp hành quân của trung đoàn. Mở đầu là phần thuyết trình của Trung Tá Điều Ngọc Chuy, Trưởng Phòng 2 Sư Đoàn 23 về tình hình chung của các khu vực có trách nhiệm đang do sư đoàn trấn giữ.

Đặc biệt trong cuộc thuyết trình này, Trung Tá Chuy có nhấn mạnh đến chi tiết về cung từ của một tù binh Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) thuộc Sư Đoàn 320 do Trung Đoàn 45 Bộ Binh bắt được. Tù binh này nguyên là một hạ sĩ quan truyền tin, tên là Sính, khi ra đầu thú đã khai là sĩ quan. Thực sự quân hàm của anh ta chỉ là thượng sĩ. Có điều đặc biệt là với chức vụ truyền tin, anh ta biết khá nhiều về các kế hoạch hành quân của đơn vị anh và một số đơn vị phối hợp. Anh ta quả quyết là Mặt Trận B3 của Cộng Sản Bắc Việt sẽ tấn công thị xã Ban Mê Thuột. Kế hoạch hành quân bao gồm 4 sư đoàn Bắc Việt mà anh ta biết chắc đó là các Sư Đoàn F10 và Sư Đoàn 968 chính thống thuộc Mặt trận B3, Sư Đoàn 320 và một sư đoàn khác từ Lào kéo sang không biết rõ phiên hiệu (sau này mới biết đó là Sư Đoàn 316). Ngoài ra, cùng tham gia trận chiến còn có một trung đoàn chiến xa, hai trung đoàn pháo binh, một trung đoàn đặc công. Thậm chí đến cả kế hoạch tấn công vào thị xã Ban Mê Thuột, anh cũng phác họa ra khá chính xác, từ hướng tấn công đến các mục tiêu ưu tiên phải tấn chiếm, v.v...



Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cùng một số sĩ quan cao cấp đang thăm viếng phòng tuyến phía Tây-Nam Pleiku vào đầu năm 1975. Từ trái: Tổng Thống Thiệu, Tướng Phạm Văn Phú, một vị sĩ quan (đội nón sắt) trung tá chỉ huy trưởng của Trung Đoàn 44/23 Bộ Binh, Tướng Lê Nguyên Khang, và Tướng Trần Văn Trung (hình ảnh: *Tướng Phạm Văn Phú và Những Trận Đánh*)

Đến phần thuyết trình của tôi, tôi cũng nêu bậc sự kiện điều quân hiện đang diễn ra giữa hai Sư Đoàn 320 và Công Trường 9 Cộng Sản từ chiến trường Phước Long kéo lên. Tôi còn nhớ rất rõ nét đăm chiêu của Tổng Thống Thiệu và những chỉ thị của ông. Ông quay lại hỏi ý kiến Tướng Phú thì Tướng Phú nhận định rằng có thể Việt Cộng đưa ra một kế trá hàng nhằm đánh lạc hướng chú ý của ta. Theo ông, Pleiku là điểm, Ban Mê Thuột chỉ là diện, bởi vì Pleiku có cơ sở đầu não là Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2. Nếu địch tiêu diệt được cứ điểm này chúng dễ dàng làm chủ được toàn bộ khu vực cao nguyên hoặc tỏa xuống khu vực duyên hải, nối liền với hai vùng biên giới, để tạo cho việc tiếp liệu dễ dàng từ miền Bắc. Tổng Thống Thiệu suy nghĩ trong giây lát, rồi ra lệnh cho Tướng Phú lúc đó đứng kế bên:

- Anh Phú cho toàn bộ Sư Đoàn 23 trở về Ban Mê Thuột, tăng cường cho anh Tường một chi đoàn chiến xa M-48. Dù sao, địa thế Pleiku cũng là khu vực trống trải, bao gồm nhiều đồi thấp và trọc, có tầm quan sát rộng, bây giờ lại là mùa khô, anh có thể sử dụng tối đa phi pháo và chiến xa để đánh chiến xa và bộ binh địch, nếu chúng dám đưa quân ra đương đầu với anh trên khoảng trống. Ngoài ra, tôi sẽ tăng cường cho anh thêm một liên đoàn Biệt Động Quân để làm lực lượng trừ bị.

Tướng Phú trả lời:

- Vâng, tôi sẽ thi hành theo kế hoạch của tổng thống chỉ thị.

Sau đó Tổng Thống Thiệu quay qua Tướng Lê Trung Tường và nói:

- Khi anh trở về Ban Mê Thuột, phải tổ chức ngay lại hệ thống phòng thủ vòng đai thị xã và lập kế hoạch chống xe tăng địch. Ngoài ra, anh cũng phải tổ chức các cuộc hành quân vùng sát biên giới thuộc quận Đức Lập. Để tránh các rắc rối về ngoại giao với Cam Bốt, chỉ nên tung các toán hoạt

động viên thám qua vùng biên giới mà thôi. Nếu phát hiện địch thì dùng phi pháo mà tiêu diệt.

Sau phần thuyết trình, tôi hướng dẫn phái đoàn lên tham dự bữa cơm thân mật được tổ chức ngoài trời, gồm khoảng gần 100 binh sĩ, hạ sĩ quan, sĩ quan thuộc hai đơn vị Tiểu Đoàn 3/44 và Chi Đoàn 2 chiến xa M-48. Trong bữa cơm, tổng thống có phần nản về các cuộc biểu tình đánh phá của các đoàn thể chính trị hiện đang diễn ra hàng ngày tại Saigon. Ông đặc biệt nhấn mạnh đến phong trào tố tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh đang làm suy giảm uy tín của các cấp lãnh đạo đất nước. Tôi còn nhớ ông nói ông ao ước giá mà có được những vị linh mục chống Cộng cương quyết kiểu như cha sở khu Hải Yến và một vị cha sở nào đó ở Tây Ninh mà tôi quên tên, thì đỡ biết mấy. Sau bữa cơm, tổng thống đi thăm một vòng chu vi phòng thủ, nói chuyện thân mật với các binh sĩ trong các hầm hố cá nhân. Phái đoàn lên trực thăng rời khỏi khu vực trách nhiệm của chúng tôi vào lúc 2 giờ chiều cùng ngày. Hôm đó là ngày mùng một Tết Âm Lịch, nhằm ngày 1 tháng 2/1975.

CHUẨN BỊ TRỞ VỀ

Khi chiếc trực thăng chở tổng thống đi rồi, Tướng Tường, tư lệnh Sư Đoàn còn ở lại họp cùng Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 44 để chuẩn bị kế hoạch thay quân và rút quân khỏi khu vực trách nhiệm của trung đoàn. Tướng cũng nên nhắc lại việc phối trí lực lượng của Sư Đoàn 23 lúc đó như sau:

- Bộ Tư lệnh Sư Đoàn 23 Hành quân đóng ở Hàm Rồng.
- Trung Đoàn 44 đóng tại căn cứ 801, phía Tây-Bắc cách Pleiku 20 km.
- Trung Đoàn 45 hành quân khu vực đèo Tử Sĩ nằm giữa Buôn Hô và Hàm Rồng, dọc theo hai bên Quốc Lộ 14.
- Trung Đoàn 53 có một tiểu đoàn đang hành quân vùng Đức Lập, trong vùng tiếp giáp giữa tỉnh Quảng Đức và tỉnh Darlac. Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn này và 2 tiểu đoàn còn lại đóng tại phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột, là lực lượng trừ bị của sư đoàn.

Tin trở về lại Ban Mê Thuột thực ra không gây nên những phấn khởi lớn đối với các quân nhân thuộc Trung Đoàn 44, bởi vì đã số binh sĩ của trung đoàn có gia đình và thân nhân ở Phan Thiết. Những tin này chắc chắn là nỗi vui mừng lớn cho Trung Đoàn 45, một đơn vị thường trú từ ngày thành lập ở Ban Mê Thuột. Những cuộc hành quân liên tục trong suốt thời gian từ năm 1972 đến hôm đó trên lãnh thổ các tỉnh Pleiku, Phú Bổn và Kontum đã làm cho nỗi nhớ nhà của các binh sĩ trung đoàn này thêm khắc khoải, nhất là vào thời gian này, khi cái hương vị Tết vẫn còn thoang thoảng bay.

Nhưng mãi tới ngày 17 tháng 2/75, tôi mới có lệnh về họp tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn để nhận chi tiết kế hoạch di chuyển. Theo kế hoạch này, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn sẽ đi bằng xe từ Hàm Rồng, khi ngang qua đèo Tử Sĩ, Trung Đoàn 45 sẽ tháp tùng theo. Trung đoàn của tôi sẽ được một Liên Đoàn Biệt Động Quân thay thế. Theo ước tính, liên đoàn này sẽ đến khoảng 3 ngày sau. Sau khi bàn giao khu vực trách nhiệm, trung đoàn của tôi cũng sẽ tiếp tục trở về Ban Mê Thuột cùng với một chi đoàn chiến xa M-48 của Thiết Đoàn 20.

Cuộc họp hành quân kéo dài không lâu. Khi rời phòng họp, tôi chợt nhìn thấy những sự tất bật, rộn ràng của mọi người trong khuôn viên Bộ Tư Lệnh. Thấy những khuôn mặt rực rỡ niềm vui về cuộc trở về sắp tới, những câu nói đùa giỡn, những nụ cười... tôi cũng cảm thấy lòng mình rộn ràng. Gia đình tôi với vợ và 4 cháu cũng đang ở Ban Mê Thuột. Hơn một năm rồi, tôi có ghé về thăm nhà đôi lần, mỗi lần không quá một tiếng đồng hồ. Kể từ 6 giờ sáng ngày 18 tháng 2/1975, đơn vị tôi được đặt trở lại hệ thống chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2. Cũng từ lúc ấy, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 tháo gỡ hệ thống truyền tin.

Mười hai giờ trưa, Tướng Lê Trung Trường gọi điện thoại cho tôi biết, Tướng Phú giữ nguyên lập luận của mình, cho rằng Pleiku là điểm, Ban Mê Thuột chỉ là điện. Sự tái phối trí lực lượng do vậy không cần thiết.

Tám giờ sáng ngày 18, đoàn xe vận chuyển đã có mặt đầy đủ tại doanh trại Hàm Rồng. Công việc chất hàng khá gọn lẹ. Đến 10 giờ sáng, qua hệ thống truyền tin vô tuyến, tôi được biết đoàn xe đã sẵn sàng di chuyển.

Tướng Trường lên trực thăng chỉ huy, bay vào trung đoàn của tôi để dặn dò các chi tiết cuối cùng trước khi lên đường, lúc đó là 10 giờ 15. Chúng tôi đang ngồi họp tại Trung Tâm Hành Quân của trung đoàn thì có điện thoại của Tướng Phú yêu cầu Tướng Trường trở về gặp ông gấp tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2. Tôi đưa Tướng Trường ra trực thăng giã từ.

Mười một giờ, đoàn xe vẫn không nhúc nhích. Đến 11 giờ 15, Trung Tâm Hành Quân của Quân Đoàn ra lệnh Trung Đoàn 44 trở về hệ thống chỉ huy trực tiếp của Sư Đoàn 23. Tôi quay điện thoại gặp Thiếu Tá Phạm Văn Cẩm, Trưởng Phòng 3 Sư Đoàn. Tiếng Cẩm càu nhàu, "*Lệnh di chuyển hủy bỏ rồi, niên trường ơi! Ai trở về nhà nấy, làm ăn như thường lệ.*" Bất giác tôi buông một câu chửi thề và tự hỏi: Thế là thế nào?

Mười hai giờ trưa, Tướng Trường gọi điện thoại cho tôi biết, Tướng Phú giữ nguyên lập luận của mình, cho rằng Pleiku là điểm, Ban Mê Thuột chỉ là điện. Sự tái phối trí lực lượng do vậy là không cần thiết.

Nói cho ngay, mỗi vị tư lệnh có những phán đoán riêng tư của mình. Khi có được những dữ kiện tình báo chính xác, vị chỉ huy có thể đề ra những đối pháp khẳng định không do dự. Ở đây, những tin tức thu lượm được giá trị không cao bao nhiêu, nếu như không muốn nói là còn cần phải kiểm tra và phối kiểm từ nhiều nguồn khác nhau, nên vấn đề xây dựng các quyết định lại càng khó khăn hơn. Lại nữa, Tướng Phú mới tới nhậm chức chưa bao lâu, thời gian chưa đủ để ông có thể cảm nhận tình hình một cách sắc bén hơn. Nếu cho tôi quyền nhận xét, tôi thấy Tướng Toàn có nhiều quyền biến hơn. Về phương diện thuần túy quân sự, Tướng Toàn đảm lược, cơ mưu và có những quyết định táo bạo hơn. Tôi vẫn tin là nếu Tướng Toàn còn ở lại chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn 2, những chỉ thị của Tổng Thống Thiệu sẽ được thực thi một cách đúng đắn. Dĩ nhiên trận đánh Ban Mê Thuột sẽ vẫn xảy ra, nhưng trận Ban Mê Thuột không phải là trận đánh bất ngờ như Tướng Hoàng Minh Thảo đã tưởng tượng, những hoảng loạn sẽ không xảy ra, và biết đâu, kế hoạch rút quân tự sát theo liên tỉnh lộ 7 sẽ không còn cần thiết nữa?

MỘT CHUYẾN ĐI TUYỆT VỌNG

Bốn giờ sáng ngày 10 tháng 3/1975 trận đánh Ban Mê Thuột mở màn. Thiếu Tá Cẩm điện thoại cho tôi biết ngay sau đó. Không bao lâu, mọi đường dây liên lạc với Ban Mê Thuột không còn. Nửa đêm

về sáng, trên Cao Nguyên thời tiết thường se lạnh, sương trắng bao phủ đầy trời. Tôi ngồi trong hầm chỉ huy, chăm chú nhìn các chi tiết địch tình ghi trên bản đồ. Chú em cận vệ bung ra một ly cà phê. Ban Mê Thuật sẽ mất, tôi tự nghĩ như thế. Điều suy nghĩ này bắt nguồn từ những dữ kiện tôi có được sau hơn một năm làm trưởng phòng 3 Sư Đoàn 23, mà tỉnh Darlac nằm trong lãnh thổ kiểm soát và hành quân của sư đoàn.

Những đơn vị Địa Phương Quân hầu như đa số là người Thượng, khả năng tác chiến rất kém vì thiếu huấn luyện. Họ được trang bị thô sơ và có ý thức kỷ luật quân đội rất kém. Về địa thế, Ban Mê Thuật khác hẳn Kontum. Ban Mê Thuật không có những chướng ngại thiên nhiên để dựa vào, hạn chế bớt khả năng xâm nhập của chiến xa hoặc bộ binh địch. Ngoài ra, với hàng trăm đồn điền cà phê tươi tốt, địch có che giấu, ngụy trang cho cả quân đoàn của họ một cách an toàn. Rõ ràng nơi đây là nơi lý tưởng cho các cuộc tiến quân áp sát của địch. Với một lãnh thổ rộng hơn tỉnh Kontum rất nhiều, lại do các đồn bót của Địa Phương Quân nằm rải rác trấn giữ, quân số thực tế của các đơn vị này luôn thấp hơn nhiều so với tên trên sổ lương. Ban Mê Thuật trở thành một căn cứ không còn vòng đai phòng thủ theo đúng nghĩa quân sự. Thành ra, việc thất thủ Ban Mê Thuật không phải là điều đáng hãnh diện như những lời tự khoe khoang của các tướng lãnh Việt Cộng qua các hồi ký của họ.

Sự chờ đợi bao giờ cũng làm thời gian trôi chậm lại. Mãi gần 7 giờ sáng mặt trời mới thật sự xua tan được mây mù. Tôi gọi điện thoại cho Thiếu Tá Cẩm để tìm hiểu thêm tình hình. Chẳng có gì khả quan hơn. Cẩm nói với tôi phải chờ thời tiết khá hơn rồi sẽ cùng Tướng Lê Trung Tường bay lên quan sát tình hình. Gần 9 giờ sáng, chiếc trực thăng chỉ huy của Tướng Tường mới cất cánh được. Hình như tôi đã uống tới ly cà phê thứ 3 hay thứ 4 gì đó.

Suốt ngày hôm đó, trực thăng chỉ huy của Tướng Tường bay trên vùng trời Ban Mê Thuật. Mãi tới 7 giờ tối tôi mới nói chuyện được với Thiếu Tá Cẩm qua điện thoại. Tiếng Cẩm xúc động, *"Ban Mê Thuật bị tràn ngập rồi, không còn liên lạc được gì với Đại Tá Quang, tư lệnh phó nữa. Tướng Tường đang ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2, họp bàn về lệnh lập kế hoạch giải tỏa."*

Ngay trong thời điểm ấy, tôi không tin là có thể làm gì hơn cho kế hoạch này. Nguyên tắc quân sự cơ bản: "Phòng thủ 1 chống 3, tấn công 3 chọi 1." Vậy cứ cho là đang có 2 sư đoàn địch chiếm cứ trận địa, làm sao kiểm ra tối thiểu 5 sư đoàn để tái chiếm? Ưu thế hỏa lực không còn, các đơn vị tổng trừ bị hầu như bị cầm chân gần hết tại chiến trường hòa tuyến, lực lượng nào để tiếp cứu đây?

Sáng ngày 11, tôi được trực thăng đón ra Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn họp hành quân. Kế hoạch hành quân do Thiếu Tá Cẩm, Trưởng Phòng 3 Sư Đoàn trình bày gồm hai giai đoạn: Thứ nhất, ngày 12, Trung Đoàn 45 được trực thăng bốc đi từ đèo Tử Sĩ, đổ xuống Quận Phước An, di chuyển về thị xã từ hướng Đông, đến chạm tuyến chờ lệnh. Thứ nhì, buổi sáng cùng ngày, Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân được không vận từ Saigon sẽ đến thay thế Trung Đoàn 44 ra tập trung tại căn cứ Hàm Rồng và sẵn sàng di chuyển về Ban Mê Thuật bằng trực thăng. Sáng ngày 13, Trung Đoàn 44 sẽ được không vận xuống Phước An, lần theo Quốc Lộ 21, song song với Trung Đoàn 45, tiến vào thị xã.

Họp hành xong, tôi trở về ngay căn cứ 801 để chờ đơn vị bạn. Mai tới gần 3 giờ chiều, đoàn xe chở Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân mới tới nơi. Người bước vào căn cứ đầu tiên là Đại Tá Nguyễn Kim Tây. Cuộc bàn giao vị trí cũng kéo dài tới gần 5 giờ chiều mới hoàn tất. Trung Đoàn 44 lên xe trực chỉ hướng Hà Rồng.

Trung Đoàn 44 sẵn sàng tại bãi đáp lúc 7 giờ sáng ngày 13 tháng 3/1975. Số lượng trực thăng dự trù để di chuyển toàn bộ trung đoàn gồm khoảng 50 chiếc đủ loại, trong đó có 8 chiếc Chinook, 30 chiếc Huey và phần còn lại là trực thăng vũ trang. Kế hoạch dự trù di chuyển làm 2 đợt. Đợt đầu gồm Tiểu Đoàn 3/44 (đọc là, "Tiểu Đoàn 3 thuộc Trung Đoàn 44") của Đại Úy Trần Hữu Lưu, Đại Đội 44 Trinh Sát của Đại Úy Mạnh, và Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 44. Quân số tổng cộng khoảng gần 600 người. Đợt thứ nhì gồm hai Tiểu Đoàn 1/44 của Thiếu Tá Nguyễn Xuân Hoà và Tiểu Đoàn 2/44 của Đại Úy Nguyễn Văn Pho, Bộ Chỉ Huy nhẹ do Trung Tá Vũ Mạnh Cường, Trung Đoàn phó chỉ huy.

Chuyến không vận đầu tiên cất cánh lúc 9 giờ, đáp xuống khu vực rừng trống trước cửa Chi Khu Phước An lúc 10 giờ 15. Tôi vào gặp Tướng Lê Trung Tường tại Bộ Chỉ Huy Khu nhận lệnh. Tôi ra lệnh cho Đại úy Lưu đưa tiểu đoàn đi theo hướng Bắc của Quốc Lộ 21 tiến lên ngang tuyến của Trung Đoàn 45 thì dừng lại chờ đợi. Đại Đội 44 Trinh Sát được giữ lại để bảo vệ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Đoàn trực thăng cất cánh trở lại Hàm Rồng để chờ tiếp đợt còn lại.

Đến 2 giờ chiều, vẫn không có tin tức gì của đợt không vận thứ hai. Tôi trở vào Chi khu, nơi Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đang tạm đặt tại đây, để hỏi tin tức. Trung Tâm Hành Quân của Sư Đoàn cũng chẳng biết gì hơn. Bốn giờ chiều, Trung Tâm Hành Quân của sư đoàn cho biết cuộc không vận bị hủy bỏ, số trực thăng ấy đã được sử dụng để chuyên chở các nhân viên Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn trở về Nha Trang. Hai tiểu đoàn của tôi sẽ nhận lệnh trực tiếp của Quân Đoàn. Sau này tôi mới được biết hai tiểu đoàn còn lại của tôi đã đi theo đoàn quân triệt thoái theo Liên Tỉnh Lộ 7 và bị tan rã hoàn toàn. Trung Tá Trung Đoàn phó Vũ Mạnh Cường bị bắt làm tù binh, sau này bị đem về nhốt và chết cháy trong conex tại trại giam Hàm Tân. Đại Úy Pho, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/44, đã tự sát trước khi bị bắt.

Ngày 14 tháng 3/1975, chúng tôi kiểm điểm lại và thấy như sau: Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân sau khi vào được thị xã Ban Mê Thuột, tiến đến khu vực phi trường L19 trong thị xã, đã bị đánh bật ra ngoài vòng đai, hiện đang bị vây hãm tại Đát Lu. Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 45 và Tiểu Đoàn 3/44 đang bị cầm chân ngoài vòng đai thị xã. Lực lượng pháo binh yểm trợ trực tiếp (và duy nhất) là trung đội pháo binh diện địa đang đặt tại Chi khu Phước An chỉ có 2 khẩu đại bác 105 ly. Lực lượng không quân yểm trợ, đánh phá các căn cứ tập trung của địch, trong và ngoài vòng đai thị xã đang bị khốn đốn vì hỏa tiễn tầm nhiệt cầm tay SA-7 của quân Bắc Việt, lần đầu tiên được sử dụng rộng rãi trên chiến trường Tây Nguyên.

Buổi sáng ngày 14 tháng 3/1975, trong chuyến bay từ Khánh Dương lên Phước An, trực thăng của Tướng Lê Trung Tường bị trúng đạn phòng không 12.7 ly của Cộng Sản. Tướng Tường và viên phi công bị thương nhẹ, phải vào bệnh viện Nha Trang điều trị.

Sáng ngày 15 tháng 3/1975, Đại Tá Phùng Văn Quang, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 45 và tôi, được tin sư đoàn có vị tư lệnh mới, đó là Đại Tá Lê Hữu Đức. Cùng ngày, Đại Tá Đức ra lệnh hai chúng tôi cho đơn vị di chuyển lui về hướng đồi Chư Cúc lập tuyến phòng thủ tại đây. Năm giờ chiều cùng ngày, trong khi chờ đợi trực thăng của vị tân tư lệnh đáp xuống đỉnh đồi Chư Cúc để họp thì đoàn chiến xa Bắc Việt tràn tới dưới chân đồi. Tiếng Đại Úy Mạnh, Đại Đội Trưởng Đại Đội 44 Trinh Sát, reo lên trong máy, *"Báo cáo Bá Hòa, chúng tôi đã thiếu sống một con cua."* Những tiếng súng nổ ròn ra cách xa hướng chân đồi non cây số, quện trong khói đen và trắng của chiếc thiết giáp địch bốc cháy thực sự không còn gây cho tôi một ấn tượng hứng khởi nào nữa. Tiếng Đại Tá tân tư lệnh nói trong máy cho biết không thể đáp xuống được và yêu cầu Đại Tá Quang cùng tôi phối hợp phòng thủ chờ lệnh. Tôi còn nhớ hình như Đại Tá Quang có buông một tiếng chửi thề và leo lên xe Jeep chạy nhanh xuống chân đồi trở về đơn vị.

Tôi và Đại Úy Phan Công Minh, sĩ quan hành quân của trung đoàn, lặng lẽ đi bộ theo sau. Vừa ra khỏi khúc quanh trên đỉnh đồi, chúng tôi nghe tiếng xích sắt của xe thiết giáp địch xịch xịch bên tai. Cả hai anh em không có chọn lựa nào khác là chui qua vòng rào kẽm gai giăng quanh căn cứ, trượt theo sườn dốc xuống chân đồi, nơi có cắm đây những tấm bảng gỗ ngắn ngang, trên có hàng chữ, *"Khu tử địa, cấm vào."*

Dưới chân đồi là một lạch nước nhỏ, hai bên có trồng chuối. Tôi và Minh ngồi im lặng dưới tàu lá chuối, ngâm chân vào giòng nước lạnh. Trong suốt 15 năm quân ngũ, chưa bao giờ tôi thấy tuyệt vọng như thế, kể cả khi còn là một Đại Úy Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2/11 ở Sư Đoàn 7, khi bị vây hãm 3 ngày 2 đêm ở khu vực bến xe Mỹ Tho, đơn vị chỉ gồm hơn 50 người, trong đó có tới hơn phân nửa là chết và bị thương, đạn dược cạn kiệt và đói khát. Lúc đó, tôi vẫn thấy địch sẽ thất bại và chúng tôi sẽ được giải cứu. Bây giờ đây thì không. Tôi không nhìn thấy một cơ may nào để có thể giải cứu Ban Mê Thuột. Ngày 16 tháng 3/75 tôi và Minh tìm lại được đơn vị, được trực thăng bốc về Khánh Dương.

MỘT VÀI CẢM NGHĨ VỀ KẾ HOẠCH TÁI CHIẾM

Tôi được lệnh đưa đơn vị trở về Vũng Tàu qua điện thoại từ Trung Tâm Hành Quân Bộ Tổng Tham Mưu. Khi đơn vị gom lại được tại Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn, Vũng Tàu, tổn thất nhân mạng

hầu như không bao nhiêu, nhưng số binh sĩ bỏ ngũ thì khá nhiều. Phần lớn số binh sĩ này là người sinh trưởng tại các tỉnh duyên hải, thành ra lợi dụng trong lúc di chuyển bằng đủ mọi thứ phương tiện, họ đã đi theo đoàn người di tản để trở về gia đình. Cuộc chiến tranh nhập nhằng đã vắt kiệt sức chịu đựng của người lính chiến Việt Nam.

Kể từ ngày Việt Cộng rêu rao cái gọi là chiến dịch Đồng Khởi năm 1960 tại Bến Tre cho đến năm 1975, trong 15 năm ấy những người lính Việt Nam có giờ phút nào được hưởng giây phút tạm gọi là thanh bình? Cuộc chiến không có hậu phương, ngay cả trong thời gian nghỉ phép ngắn ngủi, họ cũng vẫn có thể bị bắt cóc trên các chuyến xe để trở về nhà, hoặc trúng mìn trên đường di chuyển từ tiền phương trở về hậu cứ lấy giấy phép, và sau cùng, họ cũng vẫn có thể trúng đạn pháo kích khi đang ngủ trên giường cùng vợ con! Cái chết như là điều gì rất thường trực, lúc nào cũng có thể xuất hiện và mang họ đi, thậm chí mang luôn cả thân nhân ruột thịt của chính họ.

Trong khi ngoài chiến trường xương rơi, máu đổ thì nhìn về phía sau lưng, những trò chính trị nhố nhăng cùng một số chính khách hoạt đầu, tứ thời sống bằng cái miệng hò hét hoan hô đá đảo, bôi nhọ, tranh chấp nhau, những luận điệu phản chiến vô trách nhiệm... Rồi bà nọ ông kia mua quan bán chức, sống phè phỡn trên nổi thống khổ và sự hy sinh vô bờ bến của những người cầm súng. Giờ đây, trên radio, trên báo chí, trên những tin tức tác động tâm lý của địch, họ đã thấy gì? Họ thấy sự đổ vỡ của các mặt giới tuyến, thấy sự rút chạy (mà phát ngôn viên quân sự đặt cho nó một cái tên mới là "di tản chiến thuật") tán loạn từ khắp mọi nơi. Trong tình thế như vậy mà đòi hỏi nơi binh sĩ một tinh thần vì nước quên mình, có lẽ chỉ những cấp chỉ huy có đầu óc hài hước cỡ Charlot mới dám làm.

Những ngày trong lao tù Cộng Sản, tôi có dịp gặp hầu hết những cấp chỉ huy có liên hệ ít nhiều tới chiến trường Tây Nguyên năm 1975, như Đại Tá Vũ Thế Quang (Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 23 Bộ Binh), Đại Tá Phùng Văn Quang (Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 45), Đại Tá Võ Ân (Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 53), Trung Tá Lê Quý Dậu (Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân), Đại Úy Xuân (Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu Darlac). Qua các câu chuyện trao đổi, tôi chưa bao giờ nghe thấy ai tin tưởng vào một cơ quan có thể tái chiếm Ban Mê Thuột với những kế hoạch đã được đưa ra thì hành vào lúc ấy.

Ngô Văn Xuân